

Số: /BC-UBND

Tuần Giáo, ngày tháng 11 năm 2020

BÁO CÁO

Kết quả triển khai thực hiện Nghị quyết số 05-NQ/TU ngày 23/5/2016 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về phát triển sản xuất nông nghiệp đến năm 2020, định hướng đến 2025

Căn cứ Văn bản số 2179/SNN-KHTC ngày 09/11/2020 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Điện Biên về việc đề nghị đánh giá, báo cáo kết quả triển khai thực hiện Nghị quyết số 05-NQ/TU ngày 23/5/2016 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về phát triển sản xuất nông nghiệp đến năm 2020, định hướng đến 2025.

UBND huyện Tuần Giáo báo cáo kết quả triển khai thực hiện Nghị quyết số 05-NQ/TU ngày 23/5/2016 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về phát triển sản xuất nông nghiệp đến năm 2020, định hướng đến 2025 với những nội dung cụ thể như sau:

I. Đặc điểm, tình hình

1. Thuận lợi

- Trong những năm qua, được sự quan tâm của Đảng, Nhà nước cùng với việc tổ chức thực hiện có hiệu quả các chủ trương, chính sách phát triển kinh tế - xã hội huyện miền núi, các Chương trình, Dự án như: Chương MTQG giảm nghèo bền vững, Chương trình Xây dựng Nông thôn mới,... đã tạo điều kiện thuận lợi thúc đẩy kinh tế - xã hội của huyện tăng trưởng và phát triển, đời sống nhân dân từng bước được cải thiện, tình hình chính trị - xã hội ổn định, an ninh - quốc phòng được giữ vững.

- Huyện luôn nhận được sự quan tâm, lãnh đạo, chỉ đạo sát sao của Tỉnh uỷ, HĐND, UBND tỉnh, sự phối hợp chặt chẽ giữa các ban ngành, đoàn thể của tỉnh, huyện trong chỉ đạo và tổ chức sản xuất. Đặc biệt đã chỉ đạo, định hướng phát triển nông nghiệp nông thôn đi đôi với tái cơ cấu nông ngành nông nghiệp gắn với chương trình xây dựng nông thôn mới.

- Một số doanh nghiệp, nhà đầu tư đã bước đầu quan tâm, đầu tư vào lĩnh vực lâm nghiệp, nông nghiệp.

- Cán bộ, đảng viên và nhân dân các dân tộc huyện Tuần Giáo luôn tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng, có truyền thống đoàn kết, đồng thuận trong thực hiện các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; cơ bản tích cực trong lao động sản xuất, xóa đói giảm nghèo, làm giàu chính đáng.

2. Khó khăn

- Huyện Tuần Giáo có địa hình chia cắt, giao thông đi lại khó khăn, nhất là vào mùa mưa tại các xã, bản vùng cao; phần lớn đất canh tác là đất dốc, bạc màu, không thuận lợi cho việc canh tác tập trung với quy mô lớn.

- Nguồn thu ngân sách trên địa bàn hạn hẹp, chủ yếu dựa vào ngân sách từ cấp trên; Cơ sở hạ tầng tuy đã được đầu tư nhưng chưa đồng bộ, chưa đáp ứng được nhu cầu và nguyện vọng của nhân dân; tỷ lệ hộ nghèo còn cao, đời sống nhân dân còn gặp nhiều khó khăn.

- Điều kiện thời tiết diễn biến thất thường mưa lũ, nắng nóng, khô hạn đã làm ảnh hưởng không nhỏ đến sản xuất nông nghiệp trên địa bàn.

- Việc áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật mới vào phát triển sản xuất còn chậm và chưa đồng bộ.

II. Công tác chỉ đạo, triển khai Nghị quyết

1. Việc ban hành các chương trình, kế hoạch, đề án, văn bản chỉ đạo tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết số 05-NQ/TU ngày 23/5/2016 của BCH Đảng bộ tỉnh; Quyết định số 1418/QĐ-UBND ngày 9/11/2016 của UBND tỉnh;

Sau khi Nghị quyết số 05-NQ/TU ngày 23/5/2016 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về phát triển sản xuất nông nghiệp đến năm 2020, định hướng đến 2025 được ban hành, Huyện ủy Tuần Giáo đã ban hành Nghị quyết số 03-NQ/HU ngày 29/7/2016 về Chương trình hành động của Ban chấp hành Đảng bộ huyện Tuần Giáo về phát triển sản xuất Nông lâm nghiệp đến năm 2020, định hướng đến năm 2025 trên địa bàn huyện Tuần Giáo. Thực hiện Nghị quyết của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, huyện, UBND huyện Tuần Giáo ban hành Quyết định số 1122/QĐ-UBND ngày 24/11/2016 về việc ban hành Đề án “Tái cơ cấu ngành nông nghiệp huyện Tuần Giáo theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững, gắn với xây dựng nông thôn mới đến năm 2020”; Quyết định số 256/QĐ-UBND ngày 4/4/2017 về việc thành lập Ban Chỉ đạo Đề án “Tái cơ cấu ngành nông nghiệp huyện Tuần Giáo theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững, gắn với xây dựng nông thôn mới đến năm 2020”, Quyết định số 298/QĐ-UBND ngày 17/4/2017 về kế hoạch Phát triển sản xuất nông lâm nghiệp giai đoạn 2016 - 2020, định hướng đến năm 2025; Kế hoạch số 698/KH-UBND ngày 22/5/2018 về kế hoạch thực hiện Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững năm 2018 và giai đoạn 2018 - 2020 trên địa bàn huyện Tuần Giáo; Kế hoạch số 1610/KH-UBND ngày 12/11/2018 của UBND huyện Tuần Giáo về thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới huyện Tuần Giáo đến năm 2020; Kế hoạch số 1611/KH-UBND ngày 12/11/2018 về Kế hoạch cơ cấu lại ngành nông nghiệp huyện Tuần Giáo đến năm 2020.

Để quán triệt, triển khai thực hiện nhiệm vụ khắc phục những hạn chế, khuyết điểm theo Kết luận số 153-KL/TU ngày 20/12/2018 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy đến các cấp ủy đảng, chính quyền, cơ quan, đơn vị liên quan, Ban Thường vụ Huyện ủy Tuần Giáo đã xây dựng, ban hành Kế hoạch số 54-KH/HU

ngày 08/3/2019 về khắc phục, sửa chữa khuyết điểm, hạn chế tại Kết luận số 153-KL/TU ngày 20/12/2018 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Điện Biên. Quán triệt, triển khai Chỉ thị số 48-CT/TU ngày 20/3/2019 về tiếp tục đẩy mạnh thực hiện Nghị quyết số 05-NQ/TU của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XIII về phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp đến năm 2020, định hướng đến năm 2025 tới các chi, đảng bộ trực thuộc. Đồng thời chỉ đạo các cấp ủy đảng, chính quyền, cơ quan, đơn vị liên quan xây dựng Kế hoạch khắc phục, sửa chữa hạn chế, khuyết điểm tại Kết luận số 153-KL/TU ngày 20/12/2018 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy; UBND huyện ban hành Văn bản số 44/UBND-NN ngày 09/01/2019 về việc triển khai thực hiện Kết luận số 153-KL/TU ngày 20/12/2018 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Điện Biên, Văn bản số 312/UBND-NN về việc triển khai Kế hoạch số 54-KH/HU ngày 08/3/2019 của Huyện ủy Tuần Giáo.

Chỉ đạo các cơ quan, ban ngành, đoàn thể tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn thực hiện các nội dung của chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp đến các cơ quan, đơn vị, các tổ chức, doanh nghiệp và người dân trên địa bàn, nhất là các chính sách mới, các chính sách hỗ trợ trực tiếp cho người dân và doanh nghiệp để các cơ quan, đơn vị, tổ chức, người dân và doanh nghiệp nắm bắt được nội dung của chính sách, trình tự, thủ tục hỗ trợ,... từ đó chủ động triển khai thực hiện.

2. Việc phân công, phân nhiệm và công tác phối hợp, trách nhiệm của các đơn vị, các cấp trong tổ chức thực hiện Nghị quyết 05-NQ/TU, Quyết định số 1418/QĐ-UBND, Kết luận số 153-KL/TU, Chỉ thị số 48-CT/TU,...

UBND huyện đã ban hành Kế hoạch số 1268 ngày 07/5/2019 về thực hiện Thực hiện Chỉ thị số 48-CT/TU ngày 20/3/2019 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tiếp tục đẩy mạnh thực hiện Nghị quyết số 05-NQ/TU của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XIII về phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp đến năm 2020, định hướng đến năm 2025. Giao nhiệm vụ cụ thể cho các cơ quan, đơn vị liên quan, UBND các xã, thị trấn theo chức năng, nhiệm vụ có trách nhiệm nghiêm túc xây dựng kế hoạch cụ thể và triển khai thực hiện đảm bảo các nội dung, nhiệm vụ được giao trong tổ chức thực hiện Nghị quyết 05-NQ/TU, Quyết định số 1418/QĐ-UBND, Kết luận số 153-KL/TU, Chỉ thị số 48-CT/TU; Nghị quyết số 03-NQ/HU ngày 29/7/2016, Kế hoạch số 54-KH/HU ngày 08/3/2019.

3. Công tác kiểm tra, đôn đốc, đánh giá kết quả thực hiện; tổng hợp báo cáo,...

Hàng năm, xây dựng chương trình thanh tra, kiểm tra, giám sát toàn khóa và hàng năm theo quy định; lãnh đạo và chỉ đạo thực hiện các cuộc thanh tra, kiểm tra, giám sát đều đảm bảo chương trình đã đề ra, chất lượng được nâng lên. Hàng năm, chỉ đạo tiến hành lồng ghép với các cuộc kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế-xã hội, quốc phòng - an ninh trên địa bàn huyện. Qua các đợt kiểm tra, giám sát đã kịp thời phát hiện những tồn tại, hạn chế từng bước khắc phục những yếu kém, thiếu sót trong quá trình triển khai thực hiện Nghị quyết.

Hàng năm, UBND huyện đã lãnh đạo, chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, UBND các xã, thị trấn định hàng tháng, quý, kỳ 6 tháng, năm tổ chức Hội nghị giao ban, sơ, tổng kết việc thực hiện phát triển sản xuất nông lâm nghiệp trên địa bàn huyện.

(Chi tiết có biểu 01 kèm theo)

III. Kết quả thực hiện Nghị quyết 05-NQ/TU

1. Kết quả thực hiện các mục tiêu của Nghị quyết

Ngành nông, lâm nghiệp chiếm 26,45% trong cơ cấu kinh tế của huyện, tốc độ tăng trưởng bình quân đạt 4,25%/năm, đạt 141% Nghị quyết 03-NQ/HU mục tiêu đến năm 2020 (sau đây viết tắt là NQ).

- Diện tích gieo trồng cây lương thực 12.128,5 ha, đạt 97% NQ (*lý do giảm do chuyển đổi cơ cấu cây trồng*); sản lượng năm 2020 đạt 37.554,5/37.500 tấn (đạt 100,2% chỉ tiêu NQ điều chỉnh), tăng 1.665,2 tấn so với năm 2016.

- Duy trì 1.320 ha cây cao su (đạt NQ điều chỉnh); chăm sóc 342 ha cây cà phê (không đạt NQ); trồng mới và chăm sóc 1.400 ha cây Mắc ca.

- Tốc độ tăng bình quân đạt 4%/năm (đạt so với NQ).

- Trồng mới và khoanh nuôi tái sinh 7.042/5.127 ha rừng (đạt 137,4% NQ điều chỉnh). Độ che phủ rừng đạt 38/36% (đạt 105,6% NQ) tăng 4% so với năm 2016.

2. Kết quả thực hiện nhiệm vụ trọng tâm của Nghị quyết

2.1. Phát triển cây lương thực

- Tập trung chỉ đạo phát triển sản xuất lương thực, đảm bảo giảm dần diện tích lúa nương, mở rộng diện tích lúa nước ở những nơi phù hợp, đẩy mạnh phục hồi, thâm canh tăng vụ. Tổng diện tích gieo trồng cây lương thực đạt 12.128,5 ha (giảm 472,5 ha so với năm 2016).

- Thường xuyên theo dõi diễn biến thời tiết, tình hình sinh trưởng, phát triển của cây trồng, phòng chống sâu bệnh góp phần nâng cao năng suất cây trồng với tổng sản lượng năm 2020 đạt 37.569,5/37.500 tấn (đạt 100,2% chỉ tiêu NQ điều chỉnh tăng 1.860,2 tấn so với năm 2016). Trong đó sản lượng thóc đạt 19.497,2 tấn, đạt 107% NQ.

- Tăng cường công tác khuyến nông - khuyến ngư, tiếp tục lựa chọn, khảo nghiệm, phổ biến các giống mới có năng suất, chất lượng cao: Trong 05 năm từ 2016 đến 2020 đã tổ chức 121 lớp tập huấn các kỹ thuật trồng trọt, chăn nuôi cho 4.200 người và triển khai 32 mô hình khảo nghiệm các giống cây trồng mới với diện tích 131,2 ha. Duy trì và nhân rộng ứng dụng canh tác lúa cải tiến (SRI) với diện tích ứng dụng trên 200ha/năm.

2.2. Phát triển cây công nghiệp

a- Cây công nghiệp ngắn ngày:

- Đậu tương: Diện tích gieo trồng năm 2020 đạt 152 ha, giảm 196 ha so với năm 2016; sản lượng đạt 201 tấn giảm 268,8 tấn so với năm 2016 (*do người dân chuyển sang trồng các loại cây khác như cây ăn quả, mắc ca, mía, dứa...*).

- Cây lạc: Diện tích gieo trồng năm 2020 đạt 255 ha, tăng 14,5 ha so với năm 2016; sản lượng đạt 234,6 tấn, tăng 13,3 tấn so với năm 2016.

b- Cây công nghiệp dài ngày:

- Chỉ đạo tập trung quản lý, chăm sóc, bảo vệ tốt 1.320 ha cao su hiện có, đạt 100% NQ.), diện tích cho thu hoạch mũ năm 2020 trên 560 ha, sản lượng mũ quy khô 450 tấn và thanh toán cho các hộ dân góp đất trồng cao su bước đầu đạt trên 600 triệu đồng.

- Chăm sóc, bảo vệ 342 ha cây cà phê (không đạt NQ), sản lượng cà phê nhân đạt trên 400 tấn/năm.

2.3. Phát triển chăn nuôi, thủy sản

- Về Chăn nuôi: Thực hiện tốt công tác phòng chống dịch bệnh cho đàn gia súc, gia cầm, không để xảy ra dịch bệnh lớn xảy ra, tốc độ tăng đàn gia súc bình quân đạt trên 4%/năm (đạt 100% NQ) với tổng đàn gia súc đạt 98.000 con (tăng 10.936 con so với năm 2016).

- Về Thủy sản: Tận dụng tối đa diện tích mặt nước hiện có và mở rộng diện tích mặt nước nuôi cá thịt, toàn huyện có 295 ha (đạt 136,6% NQ), tăng 79,8 ha so với năm 2016, sản lượng đạt 383,5 tấn (177,5% NQ), tăng 172 tấn so với năm 2016. Đa dạng hóa đối tượng và phương thức nuôi để đáp ứng nhu cầu thị trường: Điển hình mô hình nuôi cá hồi, cá tầm tại xã Tênh Phong của Công ty TNHH Sơn Hạnh với tổng diện tích mặt nước khoảng 1.000 m², sản lượng thu hoạch 30 tấn/năm...

2.4. Phát triển lâm nghiệp

Công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng được quan tâm, bảo vệ trên 42.000 ha rừng. Hoàn thành giao đất có rừng cho 1.022 chủ rừng (gồm: 01 tổ chức, 165 cộng đồng và 856 hộ gia đình) với diện tích 37.890,88 ha, giải quyết vấn đề căn bản trong quản lý đó là rừng có chủ. Hàng năm hoàn thành và vượt chỉ tiêu trồng rừng mới theo kế hoạch tỉnh giao: Trồng mới và khoanh nuôi tái sinh 7.042/5.127 ha rừng (đạt 137,4% NQ điều chỉnh). Tổ chức trồng 1,6 triệu cây các loại nhân dịp tết trồng cây, trồng cây phân tán. Độ che phủ rừng đạt 38/36% (đạt 105,6% NQ) tăng 4% so với năm 2016. Phối hợp chi trả 82 tỷ đồng dịch vụ môi trường rừng cho các chủ rừng.

- Bước đầu xuất hiện một số mô hình sản xuất lâm nghiệp đem lại hiệu quả kinh tế cao:

+ Trồng cây dược liệu trong tán rừng: Toàn huyện có 83,5 ha cây thảo quả, 180 ha sa nhân (*trồng ở các xã Tỏa Tình, Phình Sáng, Rạng Đông, Ta Ma*) cho thu nhập bình quân 50-100 triệu đồng/ha/năm.

+ Mô hình cây táo mèo (*son tra*): Diện tích trên 206,1 ha (*tập trung chủ yếu tại xã Tỏa Tình, Tênh Phông*), trong đó diện tích đang cho thu hoạch quả ổn định 80 ha; sản lượng quả bình quân đạt 15-20 tấn/ha, hiệu quả kinh tế đạt từ 80 - 120 triệu đồng/ha/năm.

2.5. Phát triển thủy lợi, phòng chống thiên tai

- Thường xuyên chỉ đạo tổ chức sửa chữa phai tạm, nạo vét kênh mương, công trình thủy lợi đảm bảo nước tưới tiêu. Công tác quản lý, khai thác các công trình thủy lợi được quan tâm, chú trọng. Tính đến hết năm 2020 trên địa bàn huyện có 195 công trình thủy lợi trong đó có 80 công trình được kiên cố hóa, 115 phai tạm. Tổng chiều dài kênh mương: 178,42 km (trong đó: 98,89 km kênh mương được kiên cố hóa và 79,54 km là kênh đất); đảm bảo tưới cho trên 1.050 ha lúa vụ chiêm, 1.745 ha lúa vụ mùa và 295 ha nuôi trồng thủy sản.

- Hàng năm xây dựng và điều chỉnh, bổ sung phương án cứu hộ, cứu nạn tại các địa bàn dân cư nơi xung yếu. Chỉ đạo Ban chỉ huy phòng chống thiên tai, tìm kiếm cứu nạn của huyện phối kết hợp chặt chẽ với các cơ quan, đơn vị, các xã, thị trấn tổ chức trực 24/24h, chuẩn bị đầy đủ máy móc, trang thiết bị và các nhu yếu phẩm cần thiết như: lương thực, thực phẩm, thuốc chữa bệnh ... đảm bảo cung cấp đầy đủ trong mùa mưa lũ.

2.6. Phát triển ngành nghề nông thôn

Huyện có 16 HTX hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp, tổng số vốn đăng ký hoạt động của các HTX hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp là 16.802 triệu đồng; thu nhập bình quân của thành viên (người lao động thường xuyên) trong HTX đạt 3-5 triệu đồng/tháng/người (không kể thu nhập khác).

2.7. Ứng dụng khoa học công nghệ vào sản xuất nông nghiệp

Giai đoạn từ năm 2016 - 2020, trên địa bàn huyện triển khai 04 mô hình bằng nguồn vốn sự nghiệp khoa học công nghệ, cụ thể:

- Năm 2017 xây dựng 18,5 ha cây Bưởi Da xanh và cây Na Dai với 37 Hộ gia đình tham gia do Trạm Khuyến nông - Khuyến ngư thực hiện với kinh phí 500 triệu. Hiện nay cây sinh trưởng phát triển tốt, đang cho thu hoạch vụ đầu nhân dân tin tưởng chuyển đổi giống cây trồng từ cây ngắn ngày cho thu nhập thấp sang cây ăn quả theo hướng hàng hóa chất lượng cao.

- Năm 2018 xây dựng 4,5 ha cây Bưởi Diễn ghép (loại cây 2 năm tuổi) với 9 hộ gia đình tham gia do Trạm Khuyến nông - Khuyến ngư thực hiện với kinh phí 500 triệu. Hiện nay cây sinh trưởng phát triển tốt.

- Năm 2019 xây dựng 6 ha cây chanh leo với 14 hộ gia đình tham gia và mua 02 máy cắt không động cơ do Trạm Khuyến nông - Khuyến ngư thực hiện (502 triệu). Mô hình Chanh leo năng suất đạt 25 tấn/ha. Máy cắt giúp cho nông dân giảm chi phí dùng thuốc Bảo vệ thực vật bảo vệ môi trường.

- Năm 2020, Dự kiến xây dựng hệ thống tưới nhỏ giọt tại xã Rạng Đông do Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp thực hiện với Kế hoạch vốn 550 triệu.

2.8. Đào tạo nghề nông nghiệp cho lao động nông thôn

- Từ năm 2016 đến năm 2020 đào tạo nghề cho 4.146 lao động nông thôn trên địa bàn huyện, trong đó đào tạo nghề phi nông nghiệp cho 264 lao động, nghề nông nghiệp cho 3.882 lao động (gồm các nghề: Kỹ thuật nông, lâm nghiệp tổng hợp, kỹ thuật nuôi trồng thủy sản...) với tổng kinh phí 9.218 triệu đồng.

- Qua đào tạo đã trang bị cho người lao động những kiến thức cơ bản, tạo điều kiện cho người lao động tiếp cận với khoa học, kỹ thuật, góp phần thay đổi nhận thức, tăng gia sản xuất từng bước cải thiện cuộc sống. Lao động qua đào tạo đã áp dụng kiến thức, kỹ năng mới vào sản xuất góp phần tăng năng suất cây trồng, vật nuôi, tăng thu nhập cho gia đình, góp phần tích cực vào công cuộc phát triển kinh tế - xã hội, xóa đói giảm nghèo tại địa phương.

3. Hoạt động quản lý, theo dõi, đánh giá, nhân rộng các mô hình sản xuất sau hỗ trợ

- Chỉ đạo các phòng: Nông nghiệp và PTNT, Lao động - Thương binh và xã hội, Trung tâm dịch vụ nông nghiệp, các đơn vị liên quan và UBND các xã, thị trấn tăng cường quản lý, theo dõi, giám sát, đánh giá các mô hình sản xuất sau hỗ trợ; chú trọng việc tổng kết, đánh giá, nhân rộng các mô hình sản xuất hiệu quả (thực hiện thường xuyên).

- Tổ chức tổng kết, đánh giá hiệu quả của các mô hình sản xuất theo từng chương trình, chính sách hoặc thực hiện đánh giá tổng thể hàng năm theo từng địa phương; trên cơ sở đó lựa chọn, xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện đầu tư nhân rộng các mô hình sản xuất hiệu quả và triển khai các mô hình sản xuất mới có tính khả thi, khả năng thành công cao, có khả năng nhân rộng và thị trường đầu ra.

- Chỉ đạo các phòng, UBND các xã, các chủ đầu tư chú trọng thực hiện hoạt động theo dõi, kiểm tra, đánh giá hiệu quả của các mô hình sản xuất sau đầu tư, trong đó đặc biệt chú trọng đánh giá những khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai nhân rộng, từ đó xây dựng kế hoạch đầu tư nhân rộng mô hình.

4. Kết quả triển khai thực hiện các giải pháp chủ yếu của Nghị quyết

4.1. Công tác triển khai, quán triệt, tuyên truyền, vận động cán bộ, đảng viên và nhân dân về phát triển sản xuất nông lâm nghiệp

Sau khi được quán triệt, tuyên truyền về Nghị quyết, cơ bản cán bộ, đảng viên và nhân dân đã nắm được quan điểm, mục tiêu và các nhiệm vụ của Nghị quyết số 05-NQ/TU ngày 23/5/2016 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh đối với vấn đề phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh; Nghị quyết số 03-NQ/HU ngày 29/7/2016 về Chương trình hành động của Ban chấp hành Đảng bộ huyện Tuần Giáo về phát triển sản xuất Nông lâm nghiệp đến năm 2020, định hướng đến năm 2025 trên địa bàn huyện Tuần Giáo nhận thức của cán bộ, đảng viên đã xác định rõ nhiệm vụ, trách nhiệm và vai trò của mình, từ đó nêu cao trách nhiệm trong hoạt động lãnh đạo, hướng dẫn, hỗ trợ, tuyên truyền, tập huấn kỹ thuật, chuyển giao những tiến bộ khoa học, quy trình kỹ thuật tiên tiến vào

sản xuất nông nghiệp cho người dân. Quần chúng nhân dân, nhất là người nông dân đã ý thức sâu sắc hơn về trách nhiệm, vai trò chủ thể của mình trong phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp, từng bước thay đổi tập quán sản xuất, thực hiện thâm canh, tăng vụ, từng bước chủ động nghiên cứu, sử dụng giống mới, áp dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất, chăn nuôi,... Một số doanh nghiệp, hộ gia đình đã mạnh dạn đầu tư phát triển các loại cây trồng, vật nuôi có giá trị cao như: Thảo quả, Sa nhân; Cá hồi, Cá tầm,... từ đó góp phần từng bước đưa Nghị quyết vào cuộc sống.

4.2. Công tác quy hoạch và quản lý quy hoạch, thực hiện các đề án, dự án quy hoạch

- Công tác quy hoạch: Nâng cao chất lượng quy hoạch, đồng thời tăng cường hiệu lực quản lý Nhà nước đối với quy hoạch sản xuất nông nghiệp; rà soát đề nghị bổ sung quy hoạch các cây trồng mà huyện có tiềm năng và lợi thế. Tập trung quản lý chặt chẽ quy hoạch, tăng cường trách nhiệm của cơ quan quản lý Nhà nước trong việc triển khai thực hiện quy hoạch. Công bố rộng rãi quy hoạch phát triển nông, lâm nghiệp đến các cấp, các ngành, tổ chức chính trị - xã hội, các doanh nghiệp và nhân dân để tổ chức thực hiện.

- Công tác quản lý quy hoạch, thực hiện các đề án, dự án quy hoạch: Chỉ đạo việc triển khai các đề án, dự án trên địa bàn đảm bảo đúng quy hoạch đã được phê duyệt trên địa bàn huyện.

4.3. Thực hiện tốt chính sách hiện có, lồng ghép có hiệu quả các nguồn vốn đầu tư từ ngân sách Nhà nước vào khu vực nông nghiệp, nông thôn.

Kết hợp giữa nguồn vốn đầu tư của Nhà nước với sức đóng góp của nhân dân để thực hiện đầu tư xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng phục vụ sản xuất như thủy lợi nhỏ, kiên cố hóa kênh mương, giao thông nông thôn, chợ nông thôn... tăng cường hỗ trợ chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất nhằm mục tiêu nâng cao thu nhập, đời sống của người dân, bảo vệ môi trường sinh thái.

5. Kinh phí và nguồn kinh phí thực hiện Nghị quyết: Tổng kinh phí thực hiện Nghị quyết giai đoạn 2016-2020: 678.355 triệu đồng.

(Chi tiết có Biểu 02 kèm theo)

III. Đánh giá chung

1. Đánh giá kết quả đạt được

- Nông nghiệp của huyện là phát triển đúng định hướng, các chỉ tiêu chính về nông nghiệp đều đạt và vượt mục tiêu Đại hội Đảng bộ huyện đề ra; Tốc độ tăng trưởng nông- lâm- nghiệp- thủy sản tăng; năng suất, sản lượng các loại cây trồng đã được nâng cao; trong chăn nuôi duy trì tốc độ tăng đàn bình quân đạt trên 4%/năm. Sản xuất nông nghiệp của huyện đã cơ bản đáp ứng được nhu cầu tiêu dùng lương thực - thực phẩm và có sản phẩm hàng hóa, góp phần đảm bảo an ninh lương thực trên địa bàn huyện.

- Cơ cấu sản xuất bước đầu chuyển dịch theo hướng phát triển các sản phẩm hàng hóa nông nghiệp chủ lực, bước đầu hình thành các vùng sản xuất tập trung, quy mô theo quy hoạch; xuất hiện một số mô hình liên kết giữa doanh nghiệp với nông dân từ sản xuất đến chế biến, tiêu thụ; kết cấu hạ tầng phục vụ sản xuất từng bước được củng cố; khoa học, công nghệ được áp dụng trong sản xuất.

- Việc chuyển đổi cơ cấu cây trồng được thực hiện chuyển dịch từ sản xuất lương thực sang trồng các cây trồng có giá trị kinh tế (mía, dứa, táo mèo, mắc ca, sa nhân ...). Cơ cấu sản xuất nội ngành từng bước chuyển dịch theo hướng phát triển các sản phẩm hàng hóa nông nghiệp chủ lực. Bước đầu phát triển hình thức chăn nuôi gia trại, trang trại; mở rộng diện tích nuôi trồng thủy sản; hình thành một số vùng sản xuất cây ăn quả tập trung, cây công nghiệp như cây cao su, cây Mắc ca, cây dứa...

- Liên kết “4 nhà” từ khâu sản xuất - chế biến - tiêu thụ sản phẩm giữa nông dân và doanh nghiệp - Nhà nước - Nhà khoa học bước đầu được hình thành (Dự án nuôi cá nước lạnh như cá tầm, cá hồi). Một số công ty cổ phần đầu tư vào huyện như: Công ty cổ phần Cao su Điện Biên (54 tỷ đồng), Công ty cổ phần Macca Damia Điện Biên (388 tỷ đồng).

- Công tác quản lý bảo vệ và phòng cháy chữa cháy rừng được quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo; ý thức bảo vệ và phát triển rừng của người dân đã dần được nâng lên; chính quyền địa phương ở cơ sở đã quan tâm chỉ đạo, lãnh đạo triển khai thực hiện kế hoạch bảo vệ và phát triển rừng; đã tổ chức thực hiện trồng rừng, KNTS rừng trên quỹ đất được quy hoạch cho lâm nghiệp; nâng độ che phủ rừng của huyện lên 38% năm 2020.

- Hệ thống các công trình thủy lợi từng bước được đầu tư kiên cố đảm bảo cấp nước tưới cho sản xuất nông nghiệp và phục vụ đời sống dân sinh; một số công trình phòng chống thiên tai được quan tâm đầu tư nhằm bảo vệ khu dân cư, bảo vệ công trình hạ tầng và đất sản xuất; nhiều công trình cấp nước sinh hoạt tập trung được đầu tư, tỷ lệ người dân nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh ngày càng tăng; giao thông nông thôn được quan tâm đầu tư, làm thay đổi bộ mặt nông thôn, góp phần xóa đói giảm nghèo, nâng cao đời sống nhân dân.

2. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

2.1. Tồn tại, hạn chế

- Công tác chỉ đạo, điều hành chính quyền một số xã, thị trấn còn hạn chế. Việc triển khai thực hiện dự án hỗ trợ phát triển sản xuất từ Chương trình giảm nghèo nhanh bền vững, Chương trình xây dựng Nông thôn mới ở một số xã còn chậm.

- Sản xuất tự cung tự cấp còn khá phổ biến, việc chuyển đổi cơ cấu cây trồng còn chậm; đầu tư thâm canh, áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật còn chưa đồng bộ, quy mô nhỏ, năng suất, chất lượng, sức cạnh tranh thấp, sản phẩm hàng hóa chưa nhiều. Chưa xây dựng được mô hình cánh đồng mẫu lớn và tạo được nhiều chuỗi liên kết và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp.

- Việc áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật mới vào chăn nuôi còn chậm và chưa đồng bộ, tập quán chăn nuôi gia súc thả rông, quy mô nhỏ lẻ, quảng canh còn phổ biến chưa đáp ứng được yêu cầu; nhận thức của một số hộ chăn nuôi về công tác phòng chống dịch bệnh cho gia súc gia cầm còn hạn chế, người dân chưa thực sự chủ động nguồn thức ăn và công tác tiêm phòng, bảo vệ đàn gia súc, gia cầm.

- Tình trạng khai thác, mua bán và vận chuyển lâm sản trái phép còn xảy ra.

- Chưa thu hút được nhiều doanh nghiệp đầu tư cho lĩnh vực phát triển nông nghiệp, nông thôn.

2.2. Nguyên nhân

2.2.1. Nguyên nhân khách quan

- Là huyện miền núi, địa hình chia cắt phức tạp, xuất phát điểm kinh tế thấp, xa các trung tâm kinh tế lớn. Kết cấu hạ tầng vùng nông thôn còn nhiều khó khăn, không đồng bộ; dân cư sống phân tán, dân trí thấp,.. là trở ngại lớn trong sản xuất nông, lâm nghiệp.

- Chưa có kinh phí thực hiện giao đất lâm nghiệp chưa có rừng; nguồn vốn sự nghiệp lâm nghiệp còn phụ thuộc vào tỉnh và phân bổ muộn nên còn gặp khó khăn trong việc tổ chức thực hiện.

- Đa phần người nông dân thiếu vốn đầu tư, trình độ dân trí còn hạn chế, khó khăn trong việc tiếp cận, ứng dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất nông nghiệp. Liên kết giữa “4 nhà”, “5 nhà” chưa chặt chẽ; thị trường tiêu thụ sản phẩm nông sản còn gặp khó khăn.

- Trình độ thâm canh trong sản xuất nông nghiệp của người dân còn nhiều hạn chế, sản xuất chủ yếu dựa vào kinh nghiệm; nhận thức của người dân đối với vệ sinh an toàn thực phẩm, môi trường nông nghiệp chưa cao; tình trạng lạm dụng thuốc BVTV còn phổ biến. Giá cả vật tư nông nghiệp thiếu ổn định.

- Do ảnh hưởng của biến đổi khí hậu nên thời tiết diễn biến phức tạp, thiên tai thường xuyên xảy ra gây thiệt hại lớn cho sản xuất nông nghiệp; dịch bệnh hại trên cây trồng, vật nuôi diễn biến khó lường tiềm ẩn nguy cơ bùng phát gây thiệt hại đến sản xuất nông nghiệp.

2.2.2. Nguyên nhân chủ quan

- Lãnh đạo chỉ đạo, quản lý, điều hành: Công tác chỉ đạo, điều hành ở một số chính quyền xã, thị trấn chưa quyết liệt, sâu sát trong chỉ đạo việc thực hiện Nghị quyết của tỉnh, huyện; thiếu chủ động, sáng tạo trong quá trình chỉ đạo, tổ chức thực hiện; vẫn còn có tư tưởng thụ động, ỷ lại.

- Công tác hướng dẫn tổ chức sản xuất nông nghiệp của cán bộ ở một số cơ sở còn yếu; công tác phối hợp giữa cơ quan chuyên môn với các xã, thị trấn còn có mặt chưa tốt.

- Người dân chưa mạnh dạn đầu tư sản xuất, việc chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật, công nghệ vào sản xuất chưa thực sự hiệu quả. Việc nhân

rộng các mô hình sản xuất có hiệu quả kinh tế cao ở một số xã còn lúng túng, thiếu đồng bộ.

- Việc quản lý, sử dụng, phát huy các công trình phục vụ sản xuất và đời sống khu vực nông thôn chưa cao. Một bộ phận cán bộ, nhân dân còn tư tưởng trông chờ, ỷ lại vào nhà nước, chưa phát huy được tinh thần tự vươn lên trong lao động, sản xuất.

IV. Kiến nghị, đề xuất

Kiến nghị đề xuất với UBND tỉnh và các sở ban ngành của tỉnh:

- Nghiên cứu ban hành Chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh theo Nghị định số 98/2018/NĐ-CP.

- Đề nghị UBND tỉnh quan tâm cấp kinh phí đầu tư sửa chữa, nâng cấp các công trình thủy lợi, nước sinh hoạt, kè chống sạt lở khu dân cư và ruộng của người dân trên địa bàn huyện Tuần Giáo.

Trên đây là Báo cáo kết quả triển khai thực hiện Nghị quyết số 05-NQ/TU ngày 23/5/2016 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về phát triển sản xuất nông nghiệp đến năm 2020, định hướng đến 2025 của UBND huyện Tuần Giáo./.

Nơi nhận:

- Sở Nông nghiệp & PTNT tỉnh Điện Biên (b/c);
- TT Huyện ủy (b/c);
- TT HĐND (b/c);
- Lãnh đạo UBND huyện;
- Lưu: VT, NN

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Vũ Văn Đức